TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **155**/2024/DS-PT
Ngày 05 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Minh Trung**

Bà **Đinh Cẩm Đào**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thuý Nguyên** là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau *Bà* **Lê Thị Màu** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05/4/2024 tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2024/TLPT-DS ngày 19/02/2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 454/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2024/QĐPT-DS ngày 27/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1**. Địa chỉ: Số D và D L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân Hàng: Ông Lý Hùng A, sinh năm 1986 – chuyên viên cao cấp thu hồi nợ; Địa chỉ: Số A, T, khóm F, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân Hàng, văn bản ủy quyền ngày 01/8/2023. (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo uỷ quyền của bà L, văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Bùi Tấn Đ**, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
2. Bà **Lý Hồng P**, sinh năm 1966.
3. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1961.

4. Bà **Hồ Thị H1**, sinh năm 1951. Cùng địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Lý Hùng A trình bày: Ngày 12/7/2022 Ngân hàng TMCP P1 (Gọi tắt là Ngân hàng) và bên vay là bà Trần Thị L có ký hợp đồng tín dung số 0246/2022/PNH/HĐTDHM tổng số tiền vay 1.900.000.000 đồng; cụ thể:

Theo khế ước số 0246.04/2023/PNH/KUNN ngày 04/01/2023 số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, nợ đến hạn trả nợ cuối ngày 04/6/2023, lãi suất 14% cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Theo khế ước số 0246.05/2023/PNH/KUNN ngày 09/01/2023 số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, nợ đến hạn trả nợ cuối ngày 09/6/2023, lãi suất 14% cố định trong 05 tháng trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Theo khế ước số 0246.06/2023/PNH/KUNN ngày 07/02/2023 số tiền nhận nợ: 900.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, nợ đến hạn trả nợ cuối ngày 07/7/2023, lãi suất 14% cố định trong 05 tháng trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 05/7/2022, Ngân hàng và bà Trần Thị L thỏa thuận, bà L mở thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân với hạn mức tín dụng số tiền 90.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà L đã ký hợp đồng thế chấp số 024/2022/PNH/HĐTC ngày 12/7/2022 để thế chấp các tài sản gồm: Phần đất thửa số 263, tờ bản đồ số 48, diện tích 207,8m^2 tọa lac tại khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 565913, do Văn phòng Đăng ký Đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 05/7/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 74.688.161 đồng (trong đó nợ gốc 1 đồng, nợ lãi 74.688.160 đồng).

Tính đến ngày 21/12/2023 bà L thiếu Ngân hàng tổng số tiền 2.245.092.685 đồng (Trong đó nợ gốc 1.988.235.846 đồng, lãi trong hạn 52.371.681, lãi quá hạn 204.485.158 đồng). Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán cho Ngân hàng số tiền này và khoản lãi trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Trường hợp bà L không thanh toán đủ khoản tiền thiếu Ngân hàng, thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân Hàng.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà L thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay tiền và mở thẻ tín dụng, số tiền nợ gốc của các khoản nợ trên là 1.990.000.000 đồng,

trong quá trình thực hiện hợp đồng bà đã trả cho Ngân hàng số tiền 74.688.161 đồng, cũng như việc thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày là đúng. Bà L đồng ý trả các khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, nhưng khoản lãi bà chỉ đồng ý thanh toán đến ngày 01/8/2023 tổng số tiền 2.067.276.000 đồng. Đối với khoảng lãi Ngân hàng tính từ ngày 02/8/2023 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 21/12/2023 bà L không đồng ý trả.

Đối phần đất và căn nhà bà L thế chấp cho Ngân hàng đây không phải là tài sản riêng của bà L mà là tài sản chung của vợ chồng bà L, chồng bà chết thì tài sản này là di sản thừa kế của chồng bà L, bà L đồng ý duy trì ½ tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng.

Bà Lý Hồng P, ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị H1 cùng trình bày: Ông bà đang ở nhà của bà L là chỉ ở nhờ, các ông bà không có liên quan gì đến tài sản của bà L thế chấp Ngân hàng. Trường hợp Tòa án đưa các ông bà vào tham gia tố tụng, ông bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông Bùi Tấn Đ trình bày tại đơn yêu cầu độc lập ngày 06/10/2023: Nguồn gốc đất trước đây là của cha ông Bùi Văn S được nội ông cho từ năm 1975, khi vay vốn bà L ký thế chấp ông S không biết, khi ông S chết không để lại di chúc, bà L tự chuyển tên qua bà L đứng tên để thế chấp Ngân hàng là không đúng theo quy định của pháp luật, ông là hàng thừa kế thứ nhất của ông S, không biết việc bà L chuyển tên tài sản qua bà L đứng tên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, ông yêu cầu Tòa án không duy trì tài sản bà L đã thế chấp Ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vì đây là tài sản của cha ông chết để lại.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 454/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 đối với bà Trần Thị L. Buộc bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 số tiền tạm tính đến ngày 21/12/2023 là 2.245.092.685 đồng (Trong đó nợ gốc 1.988.235.846 đồng, nợ lãi trong hạn 52.371.681, lãi quá hạn 204.485.158 đồng) và bà Trần Thị L phải tiếp tục chịu khoảng tiền lãi kể từ ngày 22/12/2023 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng các bên đã ký kết.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: 024/2022/PNH/HĐTC ngày 12/7/2022, khi bà L vay Ngân hàng có thế chấp bất động sản thửa số 263, tờ bản đồ số 48, diện tích 207,8m^2 tọa lac tại khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 565913, số vào sổ GCN: CS04268 do Văn phòng Đăng ký Đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 05/7/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2024 bà L kháng cáo yêu cầu trả vốn không tính lãi, và duy trì thế chấp một phần giấy chứng nhận QSDĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác bảo vệ yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, kháng cáo về phần lãi, không có cơ sở xác định Ngân hàng tính lãi chồng lãi, về duy trì một phần tài sản thế chấp, khi vay tài sản đúng tên bà L, bà L không thanh toán nợ xử lý tài sản thế chấp của bà L là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được bà L thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, đủ điều kiện để HĐXX xem xét kháng cáo. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà L: Về số nợ, thời gian vay nợ, lãi suất theo hợp đồng tính đến ngày 01/8/2023 (ngày khởi kiện) các bên đều thừa nhận, không tranh chấp và không kháng cáo, nên HĐXX phúc thẩm không can thiệp điều chỉnh.

Đối với kháng cáo của bà L yêu cầu trả vốn không trả lãi: Khi ký kết hợp đồng tín dụng bà L là người có đủ năng lực pháp luật dân sự, tại các hợp đồng tín dụng có quy định lãi suất, lãi suất này phù hợp quy định của Luật tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L cũng đã thanh toán một phần lãi theo hợp đồng cho Ngân hàng, hiện tại người đại diện Ngân hàng không đồng ý cho hoặc giảm lãi cho bà L, vì vậy bà L phải có nghĩa vụ thanh toán lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, tại phiên toà ông Trung đại d cho bà L cho rằng khoản Lãi Ngân hàng yêu cầu là tính lãi chồng lãi, nhưng ông không có chứng cứ nào thể hiện Ngân hàng tính lãi chồng lãi, trong khi đó đại diện Ngân Hàng xác định khoản lãi mà Ngân hàng tính là trên cơ sở hợp đồng ký kết, có lãi trong hạn và lãi quá hạn, không có lãi chồng lãi, do đó kháng cáo của bà L về vấn đề này không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà L về xử lý ½ tài sản thế chấp: Khi bà L ký hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp đứng tên bà L, hợp đồng tín dụng cũng do bà L ký kết, không liên quan đến ông S và anh Đ, nên khi bà L không thanh toán được nợ vay cho Ngân hàng, thì tài sản thế chấp phải được xử lý toàn bộ để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Việc ông T cho rằng hồ sơ chuyển tên tài sản thế chấp từ tên vợ chồng bà L sang tên cá nhân bà L là không đúng quy định của pháp luật, nhưng bà L thế chấp tài sản là hoàn toàn đúng trình tự quy định của pháp luật, hợp đồng thế chấp được cơ quan công chứng chứng thực, được đăng ký giao dịch đảm bảo, hơn nữa khi thế chấp, tài sản chỉ đứng tên bà L. Do đó, kháng cáo của bà L về vấn đề này cũng không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí phúc thẩm bà L là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 454/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. *Tuyên Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1. Buộc bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 số tiền tính đến ngày 21/12/2023 là 2.245.092.685 đồng (Trong đó nợ gốc 1.988.235.846 đồng, nợ lãi trong hạn 52.371.681, lãi quá hạn 204.485.158 đồng) và khoảng lãi kể từ ngày 22/12/2023, trên khoản nợ gốc chậm trả, theo mức lãi quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp 024/2022/PNH/HĐTC ngày 12/7/2022, đối với phần đất thuộc thửa số 263, tờ bản đồ số 48, diện tích 207,8m^2 tọa lac tại khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 565913, do Văn phòng Đăng ký Đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 05/7/2022.

2. Chi phí tố tụng: Bà L phải chịu 400.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 đã tạm ứng thanh toán số tiền này, nên bà L phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 số tiền 400.000 đồng. *Nếu bà L không thanh toán khoản tiền này, thì bà còn phải chịu thêm khoản lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.*

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 không phải chịu, ngày 04/8/2023 Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 36.673.000 đồng, tại lai thu số 0007190 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Bà Trần Thị L được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế